

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hồi phục sau phiên bán tháo, tăng 27 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,663.43 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bảo hiểm, Bán lẻ,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này quay lại mua ròng hơn 2.3 nghìn tỷ trên sàn HSX, đồng thời mua ròng trên sàn HNX và bán ròng nhẹ trên sàn UPCOM. Đà bán tháo đã chững lại trong ngày hôm nay, tuy nhiên nhà đầu tư vẫn cần quan sát thị trường cẩn trọng trong những phiên tới để xem tâm lý thị trường sau phiên bán tháo đã ổn định lại chưa.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 21/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+27.00** điểm, đóng cửa tại **1663.43** điểm. HNX-Index **+1.63** điểm, đóng cửa tại **264.65** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+7.63)**, **VHM (+2.72)**, **FPT (+2.42)**, **HDB (+1.74)**, **HVN (+1.39)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-1.25)**, **GAS (-0.52)**, **NVL (-0.42)**, **CRV (-0.37)**, **VIX (-0.35)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **46,556** tỷ đồng, giảm **-8.12%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 48,869 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 54.74 điểm. Thị trường có **213** mã tăng, 31 mã tham chiếu, **133** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **2377.30** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (524.65 tỷ)**, **SSI (440.47 tỷ)**, **TCX (186.30 tỷ)**, **HPG (168.34 tỷ)**, **GEX (163.50 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **81.65** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.25%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
FPT (+6.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
DCM (+5.62%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.50%**. Các mã diễn biến tích cực:
FRT (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
BMP (+6.96%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTD (+6.33%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.25%	1.50%	1.65%	2.41%
1 tuần	-6.74%	-5.69%	-5.54%	-4.86%
1 tháng	-7.61%	-6.22%	0.29%	3.03%
3 tháng	-0.31%	2.52%	9.99%	15.90%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,663.43	264.65	109.46
% 1D	1.65%	0.62%	-0.77%
GTKL (tỷ VND)	46,556	3,247	640
%1D	-8.12%	-23.20%	-39.84%
GDNN (tỷ VND)	2377.30	81.65	-15.78

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	524.65	MSN	-255.11
SSI	440.47	VHM	-182.51
TCX	186.30	VJC	-116.56
HPG	168.34	VCB	-68.51
GEX	163.50	DXG	-55.22

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,735	1.07%	1.21%
FTSE100	9,422	0.19%	-0.33%
Eurostoxx	5,677	-0.08%	2.35%
Shanghai	3,916	1.36%	1.32%
Nikkei	49,316	0.27%	5.15%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

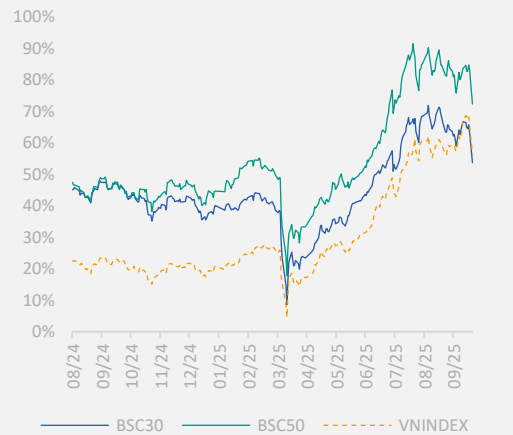
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.49	0.92%
Giá vàng	4,254	-2.83%

Tỷ giá		
USD/VND	26,353	-0.01%
EUR/VND	31,468	-0.11%
JPY/VND	179	0.00%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.9%	-0.01%
LS LNH 1M	5.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

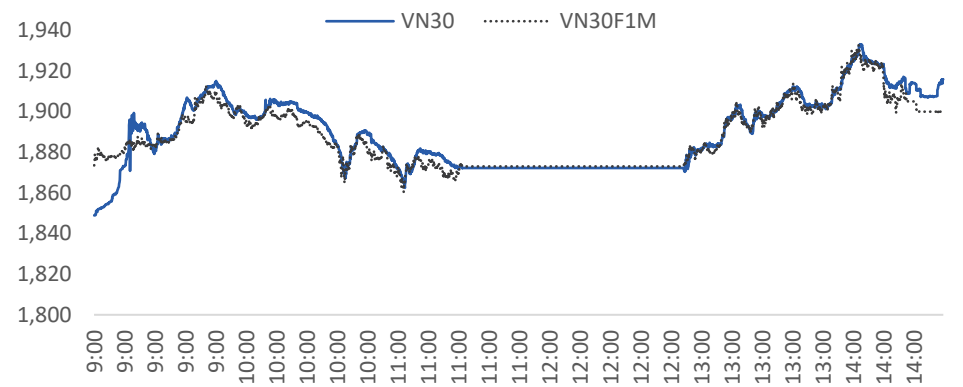
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

BSC

Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1900.20	2.11%	495,762	41.8%	20/11/2025	30
41I1G6000	1880.00	1.31%	95	-9.5%	18/06/2026	240
VN30F2512	1895.00	1.88%	2,021	14.7%	18/12/2025	58
41I1G3000	1880.50	1.48%	240	70.21%	19/03/2026	149

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +45.04 điểm, đóng cửa tại 1915.9 điểm. Biên độ dao động 70.71 điểm. Các cổ phiếu như VIC, FPT, HPG, HDB, MWG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch. Thanh khoản thị trường nằm trên ngưỡng MA20. Chuyển lược giao dịch là Long/Short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G6000,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2404	4/11/2025	14	1,131,000	14.06%	103.64	190	137.5%	0.00	106.08	93.00	93.00
CTPB2508	25/12/2025	65	306,400	48.79%	25.40	840	104.9%	0.01	27.08	18.20	18.20
CVNM2407	4/11/2025	14	984,400	12.59%	62.30	240	84.6%	0.00	63.62	56.50	56.50
CVNM2508	19/11/2025	29	42,500	18.18%	64.63	290	70.6%	0.00	66.77	56.50	56.50
CFPT2515	15/12/2025	55	927,600	20.00%	106.95	540	63.6%	0.06	111.60	93.00	93.00
CFPT2505	9/01/2026	80	12,100	50.24%	136.27	400	42.9%	0.00	139.72	93.00	93.00
CVJC2506	25/06/2026	247	1,300	16.06%	167.80	4,110	41.7%	2.50	208.90	180.00	180.00
CHPG2526	3/12/2025	43	179,100	13.85%	27.11	850	39.3%	0.30	30.51	26.80	26.80
CFPT2517	23/06/2026	245	496,200	25.33%	106.99	1,100	39.2%	0.52	116.56	93.00	93.00
CVRE2517	3/12/2025	43	200	-2.63%	28.00	4,890	37.0%	5.48	37.78	38.80	38.80
CFPT2509	19/11/2025	29	35,500	33.31%	120.74	150	36.4%	0.00	123.98	93.00	93.00
CVIB2502	27/10/2025	6	468,200	1.46%	17.74	700	34.6%	0.58	18.92	18.65	18.65
CFPT2511	12/01/2026	83	504,600	21.67%	106.95	720	33.3%	0.13	113.15	93.00	93.00
CFPT2519	23/02/2026	125	1,099,100	35.92%	122.65	540	31.7%	0.05	126.41	93.00	93.00
CHDB2505	23/02/2026	125	96,700	13.07%	27.78	2,200	31.0%	1.39	36.58	32.35	32.35
CHDB2504	19/11/2025	29	42,800	0.85%	26.67	1,490	30.7%	1.45	32.63	32.35	32.35
CVNM2514	23/01/2026	94	73,600	11.94%	53.54	1,270	29.6%	0.61	63.25	56.50	56.50
CFPT2516	23/01/2026	94	230,700	18.60%	102.64	880	27.5%	0.25	110.30	93.00	93.00
CFPT2513	20/05/2026	211	676,800	33.03%	116.43	650	27.5%	0.18	123.72	93.00	93.00
CHPG2521	11/12/2025	51	100,000	3.90%	23.32	1,360	27.1%	1.15	27.85	26.80	26.80

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 21/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CFPT2404 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 137.50%. CHPG2520 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.93%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CTPB2510, CFPT2502, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2507, CVIC2508, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	203.40	4.36%	7.63	3.88
VHM	110.90	2.69%	2.72	4.11
FPT	93.00	6.90%	2.42	1.70
HDB	32.35	6.94%	1.74	3.50
HVN	34.50	5.83%	1.39	3.11

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	182.80	2.58%	0.62	0.20
IDC	35.50	5.97%	0.53	0.38
PVS	29.00	2.84%	0.26	0.48
NTP	65.40	3.48%	0.26	0.17
THD	27.30	3.41%	0.24	0.38

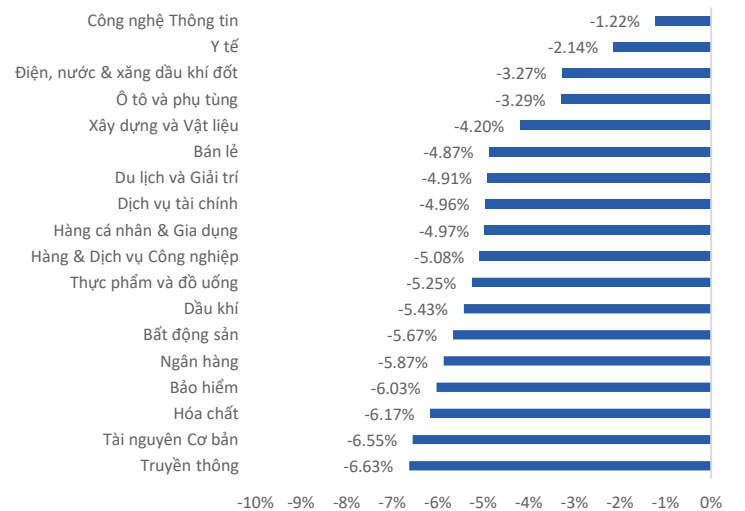
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TV2	33.70	6.98%	0.04	0.55
GEE	181.10	6.97%	1.02	2.17
SVC	26.10	6.97%	0.04	0.03
FRT	138.20	6.97%	0.36	1.26
BMP	169.00	6.96%	0.21	0.35

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HLC	13.50	9.76%	0.12	0.07
NHC	21.50	9.69%	0.02	0.00
VCM	9.30	9.41%	0.04	0.02
TJC	15.30	9.29%	0.04	0.00
VCC	9.70	8.99%	0.08	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSN	78.00	-4.76%	-1.25	1.52
GAS	56.00	-1.75%	-0.52	2.41
NVL	14.40	-6.80%	-0.42	1.95
CRV	35.40	-6.96%	-0.37	0.67
VIX	34.70	-2.94%	-0.35	1.53

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	15.10	-3.21%	-0.34	1.07
VIF	15.00	-5.06%	-0.18	0.35
MBS	29.50	-1.01%	-0.11	0.57
CEO	28.60	-0.69%	-0.07	0.57
BAB	13.10	-0.76%	-0.06	0.96

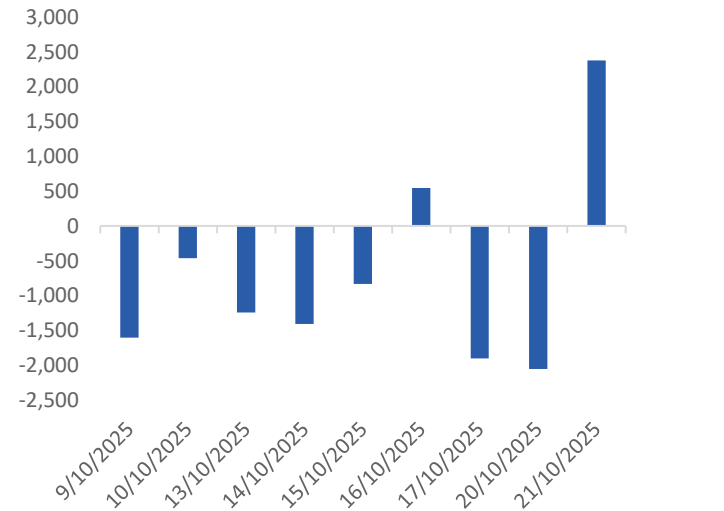
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCA	8.38	-6.99%	0.00	0.07
DXS	10.65	-6.99%	-0.10	6.08
SCR	8.53	-6.98%	-0.06	17.61
CRV	35.40	-6.96%	-0.37	0.01
SMA	8.87	-6.93%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGC	92.30	-9.95%	-0.24	0.01
KHS	18.70	-9.66%	-0.09	0.01
CTP	8.00	-9.09%	-0.03	0.13
VC2	6.70	-8.22%	-0.14	1.65
HDA	5.60	-8.20%	-0.05	0.02

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	83.0	2.6%	1.3	119,607	1111.3	3,304	24.5	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	33.3	-0.8%	1.2	31,549	390.2	1,835	18.3	46,000	10.9%	Link
KDH	Bất động sản	31.8	0.6%	1.2	35,406	324.2	716	44.1	39,900	27.1%	Link
PDR	Bất động sản	23.3	-3.7%	1.5	23,711	866.4	177	137.0	28,200	9.9%	Link
VHM	Bất động sản	110.9	2.7%	1.2	443,600	1009.4	6,984	15.5	92,000	9.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	93.0	6.9%	0.8	148,205	1975.4	5,092	17.1	118,700	35.8%	Link
BSR	Dầu khí	26.3	1.9%	0.0	79,993	229.2	(16)		23,200	0.7%	Link
PVS	Dầu khí	29.0	2.8%	1.4	13,479	158.5	2,644	10.7	42,800	9.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.3	-1.6%	1.3	26,621	389.5	1,180	20.9		35.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	38.6	1.7%	1.3	78,781	3179.3	1,565	24.3		35.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.7	-3.5%	1.1	28,218	628.1	1,589	24.6		23.6%	
DCM	Hóa chất	33.8	5.6%	1.2	16,941	167.7	3,186	10.0	47,300	4.8%	Link
DGC	Hóa chất	89.2	2.5%	1.3	33,041	203.2	8,175	10.6	109,300	12.3%	Link
ACB	Ngân hàng	25.0	0.8%	0.9	127,389	539.5	3,305	7.5	28,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	37.1	1.5%	1.0	256,280	166.9	3,683	9.9	49,500	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	50.0	2.2%	1.1	262,593	689.5	5,608	8.7	53,500	26.0%	Link
HDB	Ngân hàng	32.4	6.9%	1.1	116,291	997.2	3,937	7.7	30,800	16.5%	Link
MBB	Ngân hàng	25.3	0.2%	1.1	203,389	1374.0	3,046	8.3	32,000	21.7%	Link
MSB	Ngân hàng	12.4	1.2%	1.2	38,064	203.8	1,634	7.5	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	55.6	1.3%	0.9	103,498	871.7	6,148	8.9		17.2%	
TCB	Ngân hàng	37.7	-0.5%	1.1	268,214	1093.9	3,017	12.6	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	18.2	1.4%	1.2	47,423	415.2	2,423	7.4	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	59.3	-0.2%	0.8	496,327	534.3	4,148	14.3	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	18.7	1.6%	0.9	62,464	272.3	2,218	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	30.4	2.0%	1.1	236,034	1653.4	2,603	11.4	35,600	23.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	2.9%	1.1	199,946	2027.9	1,750	14.9	34,300	18.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.6	-2.4%	1.1	10,557	161.6	751	22.6	23,800	7.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.7	2.6%	1.1	9,641	169.5	4,124	6.1	31,700	3.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.0	-4.8%	1.2	118,420	2230.1	1,860	44.0	92,700	23.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.5	2.7%	0.7	114,948	402.4	4,101	13.4	64,500	49.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	37.6	0.40%	1.3	8,272	57.0	2,215	16.9	20.0%		Link
FRT	Bán lẻ	138.2	6.97%	1.0	22,003	170.8	3,163	40.9	31.5%		Link
BVH	Bảo hiểm	49.0	4.03%	1.2	34,963	24.5	3,278	14.4	27.0%		
DIG	Bất động sản	21.9	-4.37%	1.3	18,238	736.5	210	109.1	5.8%		
DXG	Bất động sản	20.0	-4.99%	1.2	21,448	889.0	350	60.2	23.0%		Link
HDC	Bất động sản	36.0	-5.64%	1.2	6,804	509.5	3,424	11.1	7.2%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.0	-3.58%	1.4	11,894	237.2	540	59.6	19.5%		Link
IDC	Bất động sản	35.5	5.97%	1.4	12,713	142.6	3,977	8.4	12.6%		Link
NLG	Bất động sản	36.8	2.23%	1.2	17,443	207.4	1,704	21.1	46.3%		Link
SIP	Bất động sản	51.5	3.00%	1.1	12,106	52.0	5,215	9.6	3.3%		
SZC	Bất động sản	29.8	-1.49%	1.0	5,445	44.2	1,763	17.2	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.5	-5.70%	1.4	19,806	390.1	1,102	20.7	12.3%		Link
VIC	Bất động sản	203.4	4.36%	1.3	750,953	801.4	3,487	55.9	3.8%		
VRE	Bất động sản	38.8	1.70%	1.2	86,689	676.9	1,937	19.7	15.0%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.4	3.78%	1.1	7,835	26.8	1,700	21.8	38.3%		Link
PLX	Dầu khí	33.4	1.99%	0.7	41,548	50.5	1,661	19.7	15.4%		Link
PVD	Dầu khí	19.7	4.23%	1.0	10,506	112.5	1,428	13.2	3.3%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.5	4.69%	1.3	11,071	102.3	1,262	25.3	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.5	-1.01%	1.8	19,629	267.8	1,682	17.7	5.4%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	56.0	-1.75%	0.9	137,538	49.7	5,002	11.4	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.4	1.14%	1.0	30,913	133.8	636	20.8	2.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.5	2.50%	0.9	32,499	54.8	4,417	13.6	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	180.0	3.15%	0.6	103,236	927.8	3,427	50.9	7.2%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.0	-2.10%	1.1	51,617	1877.2	1,736	33.0	8.7%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.0	4.27%	1.0	26,997	226.3	3,823	16.6	42.2%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.5	2.06%	0.7	9,017	113.5	5,700	9.4	6.0%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.0	2.41%	0.9	7,801	69.2	2,306	7.2	8.2%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	111.0	6.22%	0.0	12,726	196.7	3,317	31.5	4.7%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.9	3.58%	0.9	28,622	87.6	6,111	13.7	48.5%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.0	-0.18%	0.8	3,137	47.0	2,693	10.4	49.0%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.3	1.10%	1.4	2,330	14.1	2,887	6.3	17.5%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.2	4.74%	1.1	15,060	114.3	957	23.1	5.4%		Link
GVR	Hóa chất	25.4	0.59%	1.3	101,000	77.4	1,331	19.0	0.3%		
EIB	Ngân hàng	23.8	-0.83%	1.1	44,705	320.2	1,783	13.5	4.7%		Link
LPB	Ngân hàng	49.0	3.16%	0.5	141,896	176.6	3,324	14.3	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	2.49%	0.0	24,105	28.6	2,260	6.2	1.4%		Link
OCB	Ngân hàng	12.5	3.75%	1.0	31,957	63.2	1,130	10.6	19.5%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	-4.23%	1.1	7,407	297.2	666	24.9	5.1%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	31.0	4.20%	1.4	7,921	93.9	2,829	10.5	4.6%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.1	1.22%	0.8	9,942	77.7	1,981	16.5	3.0%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	44.5	1.02%	0.9	56,433	39.3	3,185	13.8	58.3%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.0	4.05%	1.1	11,649	55.0	6,444	8.1	18.9%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	169.0	6.96%	0.6	12,934	58.1	14,639	10.8	85.0%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.0	6.33%	1.1	8,013	163.4	4,565	17.3	48.6%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	86.9	4.57%	1.1	9,505	64.3	4,930	16.9	5.4%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.5	-2.58%	1.1	4,501	150.6	2,518	17.7	5.5%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.8	1.02%	1.2	7,287	214.2	1,077	13.6	10.4%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.5	3.69%	0.9	7,761	223.4	1,189	18.3	13.5%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.5	-0.97%	1.0	16,647	461.9	1,195	21.5	7.8%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.1	-3.01%	1.3	20,848	90.5	3,090	15.1	4.7%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>